

Bản án số: 34/2021/DS-ST

Ngày 09/8/2021

V/v Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại A

Địa chỉ: 130 Phan Đ, quận P, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn M – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Gia Lai.

Địa chỉ: 01 Phạm Văn Đ, phường T, thành phố P, tỉnh G.

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Trung H – Nhân viên Phòng phát triển kinh doanh.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D.

Địa chỉ: Tô dân phố A, thị trấn Ia, huyện I, tỉnh G.

(bà Nguyễn Thị D có mặt, ông Lê Văn C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP A cho bị đơn vay 700.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số N.0905/118 ngày 23/11/2018 với thời hạn

12 tháng, lãi suất 10,5%/năm, quá hạn 15,75%/năm để chăm sóc cây cà phê và tiêu. Bị đơn có thể chấp tài sản gồm 02 diện tích đất. Một là diện tích 12.390m² đất tại thửa số 34, tờ bản đồ 88 tại thị trấn I theo giấy bìa đỏ số AI 415894 do UBND huyện I cấp ngày 28/3/2007. Hai là diện tích 123,5m² đất tại thửa 14a, tờ bản đồ 81, địa chỉ thị trấn I theo giấy bìa đỏ số BE 765413 do UBND huyện I, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/05/2011 theo hợp đồng thế chấp số N8812/TC17 ngày 08/11/2017, sửa đổi bổ sung số N8812/TC17-01/2018/PLHĐ ngày 23/11/2018.

Trong quá trình vay bị đơn đã trả được 25.000.000đ tiền nợ gốc, lãi trong hạn 18.600.000đ. Đến 24/11/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ lãi quá hạn, tính đến ngày 09/8/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn 675.000.000đ tiền gốc, lãi trong hạn 54.899.999đ, lãi quá hạn 186.292.294đ, tổng cộng là 916.192.293đ.

Nay nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi như trên cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn trả xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi.

Nếu bị đơn không trả nợ đầy đủ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn Bà Nguyễn Thị D trình bày: bà và chồng là ông Lê Văn C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông Lê Văn C bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được và cũng không có văn bản ủy quyền cho bà.

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bà có ý kiến như sau: Bà và ông Lê Văn C công nhận có nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi như Ngân hàng đã khởi kiện. Tuy nhiên hiện nay gia đình khó khăn không thể trả một lúc, đề nghị Ngân hàng xem xét.

Về việc xử lý tài sản thế chấp: Bà D công nhận việc bà và ông Cũu có thể chấp các quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay như Ngân hàng trình bày là đúng. Nay ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì bà có ý kiến là sẽ bán đất vườn cà phê để trả nợ cho Ngân hàng, còn nhà và đất ở thì bà không đồng ý.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng là 910.366.951đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu bị đơn không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí và xử lý tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy việc xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số N.0905/118 ngày 23/11/2018 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Khi đến hạn trả nợ ngày 23/11/2019 bị đơn chỉ trả được 25.000.000đ tiền nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên ngày 23/11/2020 Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc còn lại là 675.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 10,5%/năm, lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn lãi trong hạn còn lại là 54.899.999đ và lãi quá hạn là 916.192.293đ như đại diện phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 675.000.000đ tiền gốc, lãi trong hạn 54.899.999đ và lãi quá hạn 186.292.294đ, tổng cộng là **916.192.293đ**.

[4]. Về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số N8812/TC17 ngày 08/11/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số N8812/TC17-01/2018/PLHĐ ngày

23/11/2018 thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí thẩm định là 5.000.000đ. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 5.000.000đ chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là $36.000.000đ + (3\% \times 116.192.293đ) = 39.485769đ$.

Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

2. Buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền nợ gốc là 675.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 54.899.999đ và tiền lãi quá hạn là 186.292.294đ, tổng cộng là **916.192.293đ** (*chín trăm mười sáu triệu một trăm chín mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/8/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Trong trường hợp ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có

quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ 88 tại thị trấn Ia theo giấy CNQSD đất số AI 415894 do UBND huyện Ia cấp ngày 28/3/2007 (được đăng ký biến động ngày 21/7/2014).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 14a, tờ bản đồ 81, địa chỉ thị trấn Iatheo giấy CNQSD đất số BE 765413 do UBND huyện Ia, tỉnh G cấp ngày 26/05/2011 (đã được đăng ký biến động).

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Văn C phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

5. Về án phí:

- Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D phải liên đới chịu **39.485.769đ** (*ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền đã tạm nộp là **18.741.647đ** (*mười tám triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng*) theo biên lai thu số 0011742 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia, tỉnh G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị D có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Văn C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

–

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Như Quang

Đặng Chí Công